

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-PT  
Ngày 05-3-2020  
Tranh chấp hợp đồng  
dân sự về mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Bích Vân

*Các Thẩm phán:*

Ông Trần Bá Kha

Bà Nguyễn Diệu Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn Tr, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Ấp K1, xã TT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

- *Đồng bị đơn:* Ông Nguyễn Văn X (tên thường gọi là Th), sinh năm: 1988 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1990. Cùng địa chỉ: T7, ấp K3, xã VT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị S.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo lời khai của nguyên đơn ông Đặng Văn Tr trình bày:** Vào ngày 07/9/2013 ông có bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng ông X, bà S số tiền

9.108.000 đồng, nhưng ông giảm bớt 8.000 đồng nên làm tròn số tiền nợ là 9.100.000 đồng. Vợ chồng ông X, bà S đã trả số tiền 8.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 1.100.000 đồng. Năm 2014 tiếp tục bán vật tư nông nghiệp với số tiền là 6.831.000 đồng, cộng với số nợ của năm 2013 là 1.100.000 đồng, tổng cộng số tiền là 7.931.000 đồng, đến ngày 16/01/2015 đã trả được số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại 2.931.000 đồng. Năm 2015 tiếp tục bán với số tiền là 7.690.000 đồng, cộng với số nợ tồn còn thiếu của các năm 2013, 2014 là 2.931.000 đồng. Như vậy tổng số tiền nợ trong các năm 2013, 2014 và 2015 là 10.621.000 đồng. Tại đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là 10.621.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/02/2016 đến ngày 01/02/2019 là 36 tháng, mức lãi 2%/tháng với số tiền là 7.647.120 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 10.621.000 đồng, yêu cầu lãi suất từ ngày 01/02/2016 đến ngày xét xử chỉ yêu cầu là 36 tháng, mức lãi 1%/tháng với số tiền là 3.823.560 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 14.444.560 đồng.

**Theo lời khai của đồng bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị S trình bày:**

Năm 2013 không có mua hàng hóa của ông Tr, đến năm 2014 có mua vật tư nông nghiệp và có nợ số tiền là 9.108.000 đồng, ông Tr giảm bớt được số tiền là 8.000 đồng, sau đó ông X bà S đã thanh toán xong số tiền nợ là 9.100.000 đồng. Năm 2015 tiếp tục mua thêm vật tư nông nghiệp với số tiền nợ là 7.150.000 đồng chưa thanh toán. Nay đồng ý trả số tiền còn nợ là 7.150.000 đồng, không đồng ý tính tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

**Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Buộc ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn Tr số tiền còn nợ tổng cộng là 8.040.175 đồng (trong đó nợ gốc là 7.150.000 đồng, tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 890.175 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

**Ngày 02/7/2019, đồng bị đơn ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:** Ông Tr du khổng về việc ghi thêm tiền nợ nhằm chiếm đoạt tài sản nên yêu cầu ông Tr chịu trách nhiệm và bồi thường danh dự; Yêu cầu giải quyết lại vụ án theo đơn từ Trụ sở ấp; Không đồng ý trả tiền lãi vì ông bà chỉ nợ và có trả cho ông Tr số tiền 7.150.000 đồng nhưng ông Tr không nhận, mà yêu cầu ông bà phải trả số tiền là 18.243.000 đồng; Không đồng ý nộp án phí.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Ông X bà S yêu cầu phải buộc ông Tr bồi thường danh dự uy tín, nếu không được giải quyết thì không đồng ý trả nợ cho ông Tr. Ông X bà S vắng mặt khi Hội đồng xét xử tuyên án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông X, bà S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của ông X bà S, thấy rằng: Ông X, bà S thừa nhận số tiền nợ ông Tr là 7.150.000 đồng, do ông Tr không có chứng cứ chứng minh số tiền ông X bà S nợ như yêu cầu khởi kiện, nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông X, bà S trả số tiền nợ cho ông Tr là 7.150.000 đồng là phù hợp.

Xét số tiền lãi chậm trả, theo lời khai của ông X, bà S là khi mua hàng ông bà có thỏa thuận đến cuối vụ sẽ trả nợ chứ không thỏa thuận tiền lãi (BL 34), đến khoảng cuối năm 2015 thì ông X, bà S có trả số tiền là 7.150.000 đồng, do ông Tr không nhận nên từ đó đến nay không trả nữa (BL 25), ngoài ra không có thỏa thuận nào khác về tiền lãi. Căn cứ tại Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005 quy định về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ thì vào ngày 01/12/2018 là ngày bên nguyên đơn yêu cầu trả nợ, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hạn tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là ngày 01/12/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 16 tháng 18 ngày là có cơ sở. Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, theo đó số tiền lãi chậm trả là 890.175 đồng (cụ thể {[7.150.000 đồng x 9%/năm (0.75%/tháng) x 16 tháng 18 ngày] = 890.175 đồng}). Tổng tiền gốc và lãi là 8.040.175 đồng (trong đó, tiền nợ gốc là 7.150.000 đồng và tiền lãi là 890.175 đồng). Do đó, xét kháng cáo của ông X, bà S là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông X, bà S về việc yêu cầu ông Tr bồi thường thiệt hại danh dự do ghi thêm số tiền nợ là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ trong quá trình

Tòa án sơ thẩm giải quyết thì ông X, bà S không có yêu cầu phản tố, hơn nữa tại cấp phúc thẩm ông X, bà S cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh thiệt hại cụ thể nên không có cơ sở xem xét.

[4] Xét kháng cáo của ông X, bà S về nghĩa vụ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy, do Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đồng thời buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ, do đó đã áp dụng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm là phù hợp. Vì vậy, xét kháng cáo của ông X, bà S về vấn đề này là không được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền 8.040.175 đồng buộc phải trả cho ông Đặng Văn Tr là 402.008 đồng (Làm tròn 402.000 đồng).

Ông Đặng Văn Tr phải nộp án phí 5% tương ứng với số tiền 6.404.385 đồng không được chấp nhận là 320.219 đồng (làm tròn 320.000 đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Do kháng cáo của vợ chồng ông X, bà S không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, nên phải nộp án phí 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 428, 305 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Tr về việc buộc ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả tổng số tiền còn nợ là 8.040.175đ (*Tám triệu không trăm bốn mươi nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*). Trong đó, tiền nợ gốc là 7.150.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 890.175 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

“Mức lãi suất hai bên thỏa thuận” là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Tr về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị S trả số tiền 6.404.385 đồng (cụ thể, 14.444.560 đồng - 8.040.175 đồng = 6.404.385 đồng).

### **3. Về án phí:**

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Buộc ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị S phải nộp án phí với số tiền là 402.000đ (*Bốn trăm lẻ hai nghìn đồng*).

Ông Đặng Văn Tr phải nộp án phí số tiền là 320.000 đồng và được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp với số tiền là 456.000 đồng theo biên lai thu số 0002295 ngày 21/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang. Ông Tr được nhận lại số tiền 136.000đ (*Một trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

- *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị S phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0006157 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang. Ông X, bà S không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện VT;
- THA dân sự huyện VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Đặng Thị Bích Vân**